

Phụ lục số II
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo thông tư số : 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẨM HÀ**
Năm báo cáo : 2012

I – Thông tin chung :

1- Thông tin khái quát :

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN CẨM HÀ
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 4000101407
- Vốn điều lệ : 16.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu :
- Địa chỉ : 448- Hùng Vương- Khối 3- Phường Thanh Hà – TP Hội An – Tỉnh Quảng Nam
- Số điện thoại : 0510 -3861319
- Số fax : 0510 – 3862180
- Website :
- Mã cổ phiếu : CHC

2- Quá trình hình thành và phát triển :

Công ty cổ phần Cẩm Hà trước đây là Xí nghiệp chế biến gỗ Cẩm Hà chính thức được thành lập vào tháng 10 năm 1982 theo quyết định số : 967/TCCB của Bộ Lâm Nghiệp và trực thuộc Liên hiệp chế biến và cung ứng Lâm sản II . Tiền thân của Xí nghiệp là công trường B trực thuộc Ban Lâm nghiệp khu V trước giải phóng và sau ngày giải phóng miền Nam chuyển về tiếp quản khu quân sự nguy tại Hội An đặt xưởng chế biến gỗ trực thuộc Tổng kho Lâm sản Đà Nẵng .

Đến năm 1990, Bộ Lâm nghiệp sáp nhập các đơn vị như : Liên hiệp chế biến và cung ứng Lâm sản II; Naforimex ; Công ty vật tư Lâm nghiệp miền Trung thành Tổng công ty dịch vụ sản xuất và xuất nhập khẩu Lâm sản II . Xí nghiệp Chế biến gỗ Cẩm Hà là đơn vị thành viên của Tổng công ty .

Tháng 12.1995 Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn sáp nhập các Tổng công ty ,các Liên hiệp Lâm công nghiệp ,các Lâm trường trực thuộc Bộ thành Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam và Xí nghiệp là đơn vị thành viên của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam .

Tháng 01 năm 2005, Xí nghiệp được nhà nước và Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam cổ phần hóa doanh nghiệp theo quyết định số: 2717/QĐ/BNN-TCCB ngày 07.9.2004 và Xí nghiệp chế biến gỗ Cẩm Hà đổi tên thành Công ty cổ phần Cẩm Hà;

3- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

- Ngành nghề kinh doanh :

- + Chế biến gỗ và lâm sản .
- + Cơ khí xây dựng .
- + Xây dựng dân dụng và công nghiệp .
- + Sản xuất mua bán các loại gỗ tròn, gỗ xẻ, đồ mộc gia dụng, các loại vật liệu phục vụ ngành gỗ .
- Địa bàn kinh doanh : 448 - Hùng Vương - Khối III - Thanh Hà – Hội An- Quảng Nam và Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc - Tỉnh Quảng Nam

4- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và mô hình quản lý :

- Mô hình quản trị : Hội đồng quản trị - Ban điều hành – Ban kiểm soát – Các phòng ban, phân xưởng.
- Cơ cấu bộ máy quản lý :
 - + Hội đồng quản trị .
 - + Ban điều hành .
 - + Ban kiểm soát .
 - + Các phòng ban : Gồm có 8 phòng
 - Phòng Kế toán - Tài chính .
 - Phòng Kế hoạch sản xuất .
 - Phòng Kinh doanh - xuất nhập khẩu .
 - Phòng Vật tư .
 - Phòng Định mức -Tiền lương .
 - Phòng Quản trị - Hành chính - Nhân sự .
 - Phòng Thiết kế - Kỹ thuật .
 - Phòng Quản lý chất lượng .
 - + Các Phân xưởng : Gồm 9 phân xưởng
 - Phân xưởng Cưa xẻ-Sấy gỗ (PX1) .
 - Phân xưởng Định hình Gỗ .
 - Phân xưởng Mộc máy .
 - Phân xưởng Lắp ráp .
 - Phân xưởng Sơn .
 - Phân xưởng Mộc – Lắp ráp (PX3) .
 - Phân xưởng Hoàn thiện .
 - Phân xưởng Nhôm .
 - Phân xưởng Sắt .

5- Định hướng phát triển :

- Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp :
 - + Bảo toàn và phát triển vốn.
 - + Đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động .
 - + Hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với nhà nước .
 - + Phát huy nguồn lực sẵn có, mở rộng hợp tác kinh doanh .
- Chiến lược phát triển trung dài hạn :
 - + Chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, hợp lý giữa sản phẩm ngoài trời và trong nhà , giữa trong nước và xuất khẩu nhằm giải quyết bài toán thiếu việc làm hàng năm
 - + Không ngừng cải tiến mẫu mã sản phẩm, đảm bảo sản phẩm có tính độc đáo

thể hiện bản sắc độc đáo thương hiệu của Cẩm Hà .

+ Nghiên cứu đưa vào sản xuất nguyên liệu mới thay cho gỗ phù hợp với nhu cầu tiêu dùng .

- Các mục tiêu đối với môi trường xã hội và cộng đồng của công ty:

+ Phát triển bền vững.

+ Ngoài việc quan tâm đến sản xuất kinh doanh còn phải có trách nhiệm bảo vệ và cải thiện môi trường.

+ Tuân thủ theo pháp luật các chuẩn mực đạo đức xã hội cũng như quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

+ Giáo dục nâng cao nhận thức đến từng người lao động trong công ty, toàn xã hội vào sự nghiệp bảo vệ môi trường.

- Các rủi ro:

+ Công ty đóng trên địa bàn khu vực miền trung nên thường xuyên xảy ra bão và lũ lụt.

+ Khủng hoảng tài chính trong nước và trên thế giới kéo dài ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh .

+ Nguồn vốn lưu động quá ít so với năng lực sản xuất kinh doanh , chủ yếu phải vay tại các ngân hàng thương mại nên không chủ động về vốn và kinh doanh ít hiệu quả.

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Với đặc điểm nền kinh tế thế giới suy thoái, phục hồi chưa hoàn toàn. Hàng giá rẻ vẫn còn chiếm lĩnh thị trường, sản phẩm có giá trị cao giảm hẳn (Dòng sản phẩm cao cấp sử dụng nguyên liệu Teak) thay vào đó là các nguyên liệu gỗ rẻ tiền như: Acacia FSC, Eucalyptus FSC thậm chí cả Acacia Non FSC, White teak, hay hàng ghép Finger - Joint tận dụng gỗ Acacia hay Eucalyptus có quy cách nhỏ.

+ Giá cả nguyên liệu nhập khẩu biến động nên đã kết hợp sử dụng nguyên liệu sản xuất trong nước.

+ Hết thời hạn ưu đãi đầu tư tại khu công nghiệp chi phí sản xuất tăng cùng với đà tăng giá các loại chi phí, lãi vay góp phần giảm đáng kể lợi nhuận trong năm.

+ Điều chỉnh cơ cấu sản phẩm sản xuất (Nội địa - Xuất khẩu, Indoor - Outdoor): Chuyển dịch thay đổi dần cơ cấu sản phẩm sản xuất từ 100% dành cho xuất khẩu sang tối thiểu 5% doanh thu phục vụ thị trường nội địa, xác định phương hướng tiêu thụ nội địa là các Resort và căn hộ cao cấp dọc bờ biển. Định hướng chuyển một phần sang hàng trong nhà thay vì 100% hàng ngoài trời. Bước đầu mới xác định được mục tiêu chiến lược.

II. Tình hình hoạt động trong năm :

1- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm :

+ Doanh thu : 200.983.489.036 đ

+ Lợi nhuận : 9.034.517.675 đ

- + Chi phí : 191.948.971.361 đ
- + Thị trường : Nội địa; xuất khẩu sang châu Âu, Châu Mỹ.
- + Sản phẩm : Đồ gỗ; Đồ gỗ kết hợp Nhôm, sắt, Inox, Vải, Sợi.
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch :

Năm 2012, công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh do khủng hoảng kinh tế kéo dài, khách hàng mua hàng đều giảm về số lượng và giá cả. Giá cả thị trường đầu vào lại biến động tăng. Tuy vậy công ty cố gắng hết sức để hoàn thành kế hoạch sản xuất. Cụ thể : Doanh thu bán hàng đạt 100,49% so với kế hoạch, Lợi nhuận đạt : 90,34% so với kế hoạch.

2- Tổ chức và nhân sự :

- Danh sách Ban điều hành :
- + Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành :
 - a- Dương phú minh Hoàng Chức vụ: Giám đốc
 Năm sinh : 17/8/1976
 Quê quán : Điện Phương – Điện Bàn – Quảng Nam
 Nơi thường trú : 1/5- Lê thánh Tôn – TP Đà Nẵng
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế
 Số CMND : 201327940 cấp ngày : 21/4/2009 tại CA TP Đà Nẵng
 - b- Bà Bùi thị Hợi Chức vụ : Phó Giám đốc
 Năm sinh : 21/7/1959
 Quê quán : Hoa Nam – Đông Hưng – Thái Bình
 Nơi thường trú : Khối 2 – Thanh Hà – TP Hội An – tỉnh Quảng Nam
 Trình độ chuyên môn : Đại học Lâm sinh
 Số CMND : 205602060 cấp ngày : 06/3/2008 tại CA tỉnh Quảng Nam
- + Tỷ lệ sở hữu cổ phần :
 - * Dương phú minh Hoàng Giám đốc nắm giữ 25 %/51% vốn nhà nước tại Cty
 - * Bùi thị Hợi Phó giám đốc nắm giữ 20 %/51% vốn nhà nước tại Cty
- Số lượng cán bộ, công nhân viên : 1.030 người.

3- Tình hình tài chính :

- a- Tình hình tài chính :

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
- Tổng giá trị tài sản	171.927.005.249	128.148.294.459	74,53
- Doanh thu thuần	200.897.282.456	200.983.489.036	100,04
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	6.467.242.748	11.069.652.677	171,16
- Lợi nhuận khác	2.816.767.816	(2.035.135.002)	
- Lợi nhuận trước thuế	9.284.010.564	9.034.517.675	97,31
- Lợi nhuận sau thuế	8.194.391.643	7.317.405.375	89,29
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	18	18	

b- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>1- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
TSLĐ / Nợ ngắn hạn	1,07	1,19	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
TSLĐ – Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn	0,43	0,41	
<i>2- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số nợ / Tổng tài sản	0,8	0,71	
+ Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	4,02	2,54	
<i>3- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	2,17	2,05	
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	1,16	1,57	
<i>4- Chỉ tiêu khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / doanh thu thuần	0,04	0,036	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0,24	0,20	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,047	0,057	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / doanh thu thuần	0,033	0,03	

4- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :

a- Cổ phần :

+ Tổng số : 1.600.000 cổ phần

 Trong đó : - Nhà nước : 8.160.000 cổ phần

 - Cá nhân : 7.840.000 cổ phần.

b- Cơ cấu cổ đông :

+ Cổ đông lớn (Nhà nước) : 51%

+ Cổ đông nhỏ (cá nhân) : 49%

III- Báo cáo của Ban giám đốc :

1-Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ
1-	Doanh thu	Triệu đồng	200.000	200.983	100,49

2-	Lợi nhuận	Triệu đồng	10.000	9.034	90,34
3-	Nộp ngân sách	Triệu đồng	500	1.717	343,40
4-	Thu nhập bình quân	đ/người/tháng	2.500.000	3.570.000	142,80

2- Tình hình tài chính :

a- Tình hình tài sản: Trong năm qua do khủng hoảng kinh tế còn kéo dài nên việc đầu tư tài sản của công ty rất thận trọng, công ty chỉ đầu tư một số thiết bị cần thiết cho sản xuất. Nhìn chung tình hình tài sản của công ty ổn định, đa số tài sản hiện có của công ty đều tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản tại công ty gần như đã khấu hao trên 80% giá trị, một số khác đã khấu hao hết giá trị.

b- Tình hình nợ phải trả : Tương đối tốt, khách hàng trả nợ đầy đủ.

3- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý :

Để tăng cường các biện pháp kiểm soát trong công ty có hiệu quả công ty đã tiến hành tăng cường giám sát chất lượng sản phẩm; tăng cường quản lý kiểm tra thường xuyên các định mức kinh tế kỹ thuật ; áp dụng các tiên bộ kỹ thuật vào sản xuất như : thay đổi một số máy móc thiết bị cũ kỹ lạc hậu trang bị mới thiết bị hiện đại và có năng suất cao giảm bớt lao động thủ công. Đồng thời từng bước hoàn thiện và ban hành các quy chế, nội qui của công ty.

4- Kế hoạch phát triển trong tương lai :

Trong những năm qua công ty chủ yếu sản xuất xuất khẩu mặt hàng đồ gỗ ngoài trời và thông thường khách hàng chỉ mua hàng từ tháng 9 năm nay sang tháng 3 năm sau do đó thời gian còn lại công ty phải bố trí cho người lao động ngưng việc đã làm ảnh hưởng đến công việc làm của công ty và đời sống của người lao động. Với thực tế trên trong thời gian đến công ty có hướng phát triển thêm sản xuất hàng nội địa và hàng xuất khẩu trong nhà.

IV- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty :

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Với trọng tâm cốt lõi sản xuất các sản phẩm trang thiết bị bàn ghế dùng trong nhà và ngoài trời, qua 3 mảng hoạt động của công ty có thể đánh giá như sau

- Về sản xuất kinh doanh : hoàn thành kế hoạch doanh thu do đại hội cổ đông đề ra, trong điều kiện khó khăn chung đã hoàn thành trên 90% kế hoạch lợi nhuận là thành tích rất khả quan, các nghĩa vụ đối với nhà nước hoàn thành đầy đủ và kịp thời..
- Chế độ chính sách đối với người lao động : thực hiện tốt theo quy định của nhà nước, các qui chế, qui định nội bộ.
- Môi trường: có chính sách, triển khai tốt các hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của ban giám đốc công ty:

- Ban giám đốc công ty đã thực hiện các qui chế, các nghị quyết của HĐQT.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị :

- Khai thác chuyên sâu sản phẩm ngoài trời, mở rộng danh mục hàng trong nhà.
- Đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ hiện đại tăng chất lượng sản phẩm, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tập trung đào tạo tay nghề người lao động phục vụ sản xuất các dòng sản phẩm có khả năng cạnh tranh và chiếm lĩnh các thị trường lớn.

V- Quản trị công ty :

i- Hội đồng quản trị :

a- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị : Gồm 05 người trong đó có 01 chủ tịch và 04 ủy viên .

+ Nguyễn chí Dũng	Chủ tịch	nắm giữ 35 % /51%	vốn nhà nước tại Cty
+ Dương phú minh Hoàng	Ủy viên	nắm giữ 25 % /51%	vốn nhà nước tại Cty
+ Nguyễn thị phương Loan	Ủy viên	nắm giữ 20% /51%	vốn nhà nước tại Cty
+ Bùi thị Hoi	Ủy viên	nắm giữ 20%/51%	vốn nhà nước tại Cty
+ Trần trung Huân	Ủy viên	nắm giữ 0,64 %	vốn cổ đông tại Cty

b- Hoạt động của Hội đồng quản trị : Trong năm 2012 Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức họp 12 phiên theo định kỳ .

Nội dung các cuộc họp :

- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011.
- Đề nghị Ban điều hành triển khai lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống cấp nước thủy cục tại các cơ sở sản xuất .
- Lắp đặt và đưa vào sử dụng máy chấm công.
- Tập trung hoàn thành kế hoạch sản xuất quý I.2012.
- Giao cho Ban điều hành triển khai công tác thiết kế mẫu mã sản phẩm.
- Tập trung xây dựng các qui chế, cụ thể : Qui chế phối hợp tổ chức Đảng- Hội đồng quản trị- Công đoàn- Giám đốc; qui chế qui định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu trong thi hành nhiệm vụ công vụ; qui chế mua bán nguyên liệu vật tư; qui chế trả lương.
- Cải tạo, sửa chữa nhà xưởng.
- Thống nhất phát triển hàng nội thất thông qua triển khai hàng mẫu.
- Ban điều hành tiến hành lập hợp đồng kiểm toán độc lập về việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011.
- Thống nhất thông qua chương trình và nội dung tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2012.
- Bổ sung phân công công việc cho thành viên HĐQT
- Thống nhất ban hành qui chế trả lương
- Thống nhất mua mới 02 máy chà nhám thùng 2 trục trị giá 10.000 usd.
- Thống nhất đại diện HĐQT họp sinh hoạt định kỳ với chi ủy, công đoàn, ban điều hành và các cán bộ chủ chốt mỗi tháng 1 lần để phổ biến, trao đổi, nắm bắt tình hình hoạt động SXKD của công ty.
- Giao ban điều hành lập kế hoạch sử dụng lao động năm 2012.
- Giao ban điều hành lập kế hoạch nhu cầu mua nguyên vật liệu phục vụ sx năm 2012.
- Lập phương án qui hoạch cán bộ và xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ.
- Hoàn chỉnh chương trình đăng ký và chốt các chỉ tiêu tiết giảm chi phí giảm giá thành sản phẩm.

- Chủ động cùng công đoàn lập phương án và tổ chức cho người lao động đi tham quan.
- Xem xét báo cáo kết quả kiểm toán của KTNN năm 2011 và đề ra biện pháp khắc phục.
- Ban điều hành triển khai công tác kiểm kê 6 tháng đầu năm 2012
- Triển khai tổ chức hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm 2012.
- Nghiên cứu xây dựng đề án trung tâm chế biến gỗ .
- Đồng ý cho đầu tư mua mới máy ghép gỗ cao tầng phục vụ cho sản xuất hàng nội thất.
- Giao ban điều hành tích cực làm việc với khách hàng, bám sát diễn biến thị trường châu Âu , châu Mỹ về các đơn hàng tiêu thụ sản phẩm.
- Giao ban điều hành đề ra biện pháp kế hoạch cụ thể tăng công suất hàng nội thất , phấn đấu đạt tối thiểu 20 cont/tháng.
- Thống nhất bổ nhiệm trưởng phòng Thiết kế - kỹ thuật và quyền QĐ phân xưởng Sơn.
- Thống nhất ban hành 02 qui chế : Qui chế phối hợp tổ chức Đảng- Hội đồng quản trị- Công đoàn- Giám đốc; qui chế qui định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu trong thi hành nhiệm vụ công vụ
- Thống nhất chủ trương mua lại tài sản của công đoàn cơ sở gồm 11 hầm lò sậy.
- Giao ban điều hành đôn đốc giám sát việc thực hiện chương trình tiết giảm chi phí như đã cam kết giữa lãnh đạo công ty và các phòng ban, phân xưởng.
- Căn cứ nhu cầu sản xuất thực tế cân đối việc nhập vật tư nguyên liệu đảm bảo sản xuất, không để tồn kho kéo dài. Đồng thời phải đảm bảo chất lượng vật tư nguyên liệu nhập vào.
- Hội đồng quản trị thống nhất bán một số tài sản cố định cũ, tồn kho không sử dụng nhập mua về từ năm 2006 trở về trước, đối với những TSCĐ nhập từ năm 2007 trở về sau thì bán các loại tài sản trong tình trạng bị hư hỏng không sử dụng . Giao cho Giám đốc tổ chức công khai bán các loại tài sản nêu trên, ưu tiên bán cho các đơn vị chế biến gỗ trong Tổng công ty Lâm nghiệp Việt nam .
- Hội đồng quản trị thống nhất điều chỉnh và nâng lương cho trưởng phó phòng, quản đốc, phó quản đốc.
- Giám đốc báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến hết tháng 8.2012.
- Giao Ban điều hành tiếp tục rà soát các định mức hiện đã ban hành.
- Theo dõi giám sát chặt chẽ, báo cáo công tác tiết giảm chi phí hàng tháng cho Hội đồng quản trị .
- Giao cho ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ và phòng chống lụt bão.
- Tăng cường, tổ chức tốt công tác sản xuất kinh doanh đảm bảo đạt doanh thu theo kế hoạch năm 2012.
- Ban điều hành khẩn trương rà soát kiểm tra và thực hiện theo đúng qui định của nhà nước về chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại.
- Giá trị hợp đồng kinh tế mua bán có giá trị 10 tỷ đồng trở lên phải thông qua Hội đồng quản trị.

- Thống nhất chủ trương lập dự án đầu tư nâng cao năng lực sản xuất tại công ty theo tờ trình của Giám đốc và giao cho ban điều hành lập dự án trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Thống nhất thanh lý ghế CHC660 (ghế bar) và giao cho ban điều hành tổ chức xử lý theo qui định nhà nước.
- Thống nhất ủy quyền cho giám đốc công ty được vay vốn phục vụ SXKD với tổng mức dư nợ các hợp đồng vay không quá 90% tổng giá trị tài sản thể hiện trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- Thống nhất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Hà Nội (AASC) kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012 cho công ty.
- Thống nhất sửa đổi, bổ sung qui chế trả lương.
- Thống nhất chi hỗ trợ tiền lương cho người lao động nhân dịp tết dương lịch 2013.
- Ban điều hành khẩn trương chỉ đạo tổ chuẩn bị dự án, ban thẩm định dự án hoàn thành công tác lập và thẩm định dự án “nâng cao năng lực sản xuất tại công ty cổ phần Cẩm Hà” trình HĐQT phê duyệt.
- Thống nhất thông qua bản dự thảo đề án “nâng cao năng lực sản xuất tại công ty cổ phần Cẩm Hà” do ban điều hành trình.
- Giám đốc báo cáo kết quả năm và kế hoạch năm 2013 và tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013.

2 - Ban kiểm soát :

+ Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Thành viên của Ban kiểm soát:

* Nguyễn thị thanh Bình Trưởng ban

* Trần văn Thái Ủy viên

* Nguyễn thanh Chung Ủy viên

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên: Trưởng ban kiểm soát là người chịu trách nhiệm chính trong việc kiểm soát các hoạt động tài chính, kế toán của Công ty. Hai kiểm soát viên sẽ chịu trách nhiệm kiểm soát tất cả các hoạt động nghiệp vụ liên quan trực tiếp đến quyền lợi của cổ đông và có trách nhiệm kiểm tra ngay các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày để đảm bảo tính chính xác và hợp pháp, hợp lệ của các nghiệp vụ.

+ Hoạt động của ban kiểm soát

- Kiểm tra sổ sách kế toán của Công ty theo từng quý và kết thúc năm tài chính.

- Tham dự đầy đủ các buổi họp cùng Hội đồng quản trị đã giúp Ban Kiểm soát giám sát việc thực hiện chức năng nhiệm vụ, chấp hành điều lệ Công ty đối với HĐQT và Ban Điều hành. Sau khi tham dự các buổi họp của HĐQT, Trưởng ban kiểm soát phổ biến lại các nội dung cho các ủy viên trong ban kiểm soát nắm bắt để làm việc.

- Ngoài ra, Ban kiểm soát cũng trực tiếp tham gia công tác kiểm kê định kỳ của Công ty .

Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã họp 3 lần .

- Buổi họp lần 1: Sau đại hội cổ đông thường niên tổ chức vào ngày : 29/3/2012. Vào ngày 20/4/2012 thì BKS họp để nắm bắt các nội dung trong nghị quyết đại hội cổ đông về tình hình thực hiện kế hoạch trong năm 2012.

Buổi họp lần 2: Vào ngày 1/7/2012 Ban kiểm soát họp sắp xếp và phân công lại công việc các thành viên trong BKS.

Buổi họp lần 3 : Vào ngày 14/9/2012, Ban kiểm soát đã họp và ngoài công việc đã phân công trong biên bản họp ngày 1/7/2012, Trưởng Ban kiểm soát cũng phân công thêm việc mỗi thành viên trong Ban kiểm soát ngoài việc nắm bắt tất cả các qui chế do HĐQT lập ra, thì phân công mỗi thành viên phải nắm bắt một số qui chế cụ thể để công tác kiểm tra, giám sát được chặt chẽ hơn.

Ngoài các buổi họp trên Ban kiểm soát cũng thường xuyên liên lạc bằng điện thoại và email để trao đổi công việc và các hoạt động trong ban kiểm soát.

3- Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TIỀN LƯƠNG	THÙ LAO	Ghi chú
I-	Hội đồng quản trị				
1-	Nguyễn chí Dũng	Chủ tịch	20.000.000	3.000.000	
2-	Dương phú minh Hoàng	Ủy viên	19.000.000	3.000.000	
2-	Nguyễn thị phương Loan	Ủy viên		3.000.000	
3-	Bùi thị Hợi	Ủy viên	16.000.000	3.000.000	
5-	Trần trung Huân	Ủy viên	16.000.000	3.000.000	
II-	Ban kiểm soát				
1-	Nguyễn thị thanh Bình	Trưởng ban	3.500.000	1.600.000	
2-	Trần văn Thái	Ủy viên	6.200.000	800.000	
3-	Nguyễn thanh Chung	Ủy viên	3.100.000	800.000	

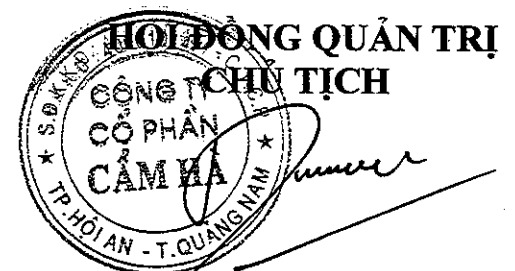
Ghi chú : - Tiền lương và thù lao tính trên là tính theo Tháng .

- Thù lao được tính theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm

IV- Báo cáo tài chính :

1- Ý kiến kiểm toán : Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cẩm Hà tại ngày 31.12. 2012 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan .

2- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán : (Kèm theo báo cáo)



Nguyễn chí Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẨM HÀ

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
đã được kiểm toán*

ty Cổ phần Cẩm Hà
III, P.Thanh Hà, TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam

CH DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Phụ lục minh Báo cáo tài chính	09 - 26

Công ty Cổ phần Cẩm Hà
III, P. Thanh Hà, TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Cẩm Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

NG TY

Công ty Cổ phần Cẩm Hà, tên giao dịch quốc tế Camha Joint Stock Company, được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá xí nghiệp Nhà nước (Xí nghiệp chế biến gỗ Cẩm Hà) theo Quyết định số 2717/QĐ/BNN-TCCB ngày 07/09/2004 của Trường Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu số 3303070096 ngày 29/12/2004, được cấp lại theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 4000101407 ngày 29/12/2004 và được đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 02/12/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 16.000.000.000 đồng, được chia thành 1.600.000 cổ phần.

Văn phòng chính của Công ty đặt tại 448 đường Hùng Vương, khối III, Phường Thanh Hà, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Chí Dũng	Chủ tịch	
Ông Đỗ Ngọc Phách	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/03/2012
Ông Dương Phú Minh Hoàng	Ủy viên	
Ông Trần Trung Huân	Ủy viên	
Bà Bùi Thị Hợi	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Phương Loan	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/3/2012

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Phú Minh Hoàng	Giám đốc
Bà Bùi Thị Hợi	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Trưởng ban
Ông Trần Văn Thái	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Chung	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công ty Cổ phần Cẩm Hà
III, P.Thanh Hà, TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam

NG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

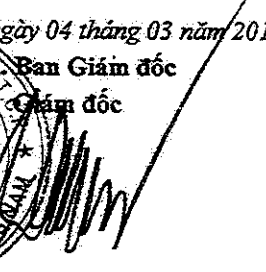
Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

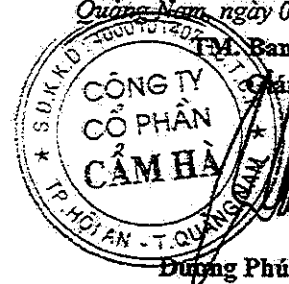
Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Quảng Nam, ngày 04 tháng 03 năm 2013
TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

Dương Phú Minh Hoàng





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

Số: 332/2013/BC.KTTC-AASC.KT7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Cẩm Hà

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cẩm Hà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cẩm Hà được lập ngày 04 tháng 03 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cẩm Hà. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thủ tục nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cẩm Hà tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính



Cát Thị Hà

Chứng chỉ KTV số: 0725/KTV

Kiểm toán viên

Nguyễn Minh Hạnh

Chứng chỉ KTV số: 0904/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		109.559.752.581	147.664.548.815
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.740.300.845	761.562.605
111 1. Tiền		2.740.300.845	761.562.605
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		28.616.275.684	53.476.133.596
131 1. Phải thu khách hàng		28.146.626.359	53.309.126.092
132 2. Trả trước cho người bán		136.636.865	152.012.814
135 5. Các khoản phải thu khác	4	333.012.460	14.994.690
140 IV. Hàng tồn kho	5	71.488.644.406	87.684.374.061
141 1. Hàng tồn kho		71.488.644.406	87.876.824.781
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(192.450.720)
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		6.714.531.646	5.742.478.553
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		6.061.965.429	5.260.762.987
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	6	277.695.995	136.522.575
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	7	374.870.222	345.192.991
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		18.588.541.878	24.262.456.434
220 II. Tài sản cố định		8.627.410.949	13.265.067.029
221 1. Tài sản cố định hữu hình	8	8.627.410.949	13.265.067.029
222 - Nguyên giá		92.716.203.582	90.871.458.816
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(84.088.792.633)	(77.606.391.787)
260 V. Tài sản dài hạn khác		9.961.130.929	10.997.389.405
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	9	9.961.130.929	10.997.389.405
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		128.148.294.459	171.927.005.249

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
100 A. NỢ PHẢI TRẢ		91.992.538.258	137.693.935.215
110 I. Nợ ngắn hạn		91.992.538.258	137.693.935.215
111 1. Vay và nợ ngắn hạn	10	67.809.409.606	110.421.083.850
112 2. Phải trả người bán		10.943.321.168	9.567.645.279
113 3. Người mua trả tiền trước		1.238.985.208	4.228.652.441
114 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	2.556.731.222	839.618.922
115 5. Phải trả người lao động		7.214.991.500	9.385.834.800
116 6. Chi phí phải trả	12	633.105.000	958.219.658
119 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	1.461.175.760	1.816.639.711
123 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		134.818.794	476.240.554
200 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		36.155.756.201	34.233.070.034
210 I. Vốn chủ sở hữu	14	36.155.756.201	34.233.070.034
211 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		16.000.000.000	16.000.000.000
217 7. Quỹ đầu tư phát triển		10.950.993.847	11.182.937.649
218 8. Quỹ dự phòng tài chính		1.844.106.937	1.517.070.605
220 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.360.655.417	5.533.061.780
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		128.148.294.459	171.927.005.249

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

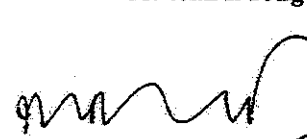
CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ	USD		114.751,85	25.386,00

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Tâm

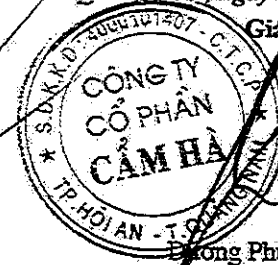
Kê toán trưởng



Trần Trung Huân

Quảng Nam, ngày 04 tháng 03 năm 2013

Giám đốc



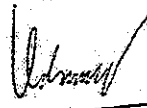
Đông Phú Minh Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2012

Số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	201.620.325.547	201.612.197.767
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16	636.836.511	714.915.311
03	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	200.983.489.036	200.897.282.456
04	4. Giá vốn hàng bán	18	163.018.897.789	167.177.799.342
05	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.964.591.247	33.719.483.114
06	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	400.661.999	7.348.073.918
07	7. Chi phí tài chính	20	5.331.944.082	7.169.423.458
08	- Trong đó: Chi phí lãi vay		5.290.988.137	6.504.138.266
09	8. Chi phí bán hàng		14.144.360.090	13.415.592.909
10	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		12.750.578.480	13.836.647.457
11	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.138.370.594	6.645.893.208
12	11. Thu nhập khác	21	3.446.327.351	2.638.117.356
13	12. Chi phí khác	22	550.180.270	
14	13. Lợi nhuận khác		2.896.147.081	2.638.117.356
15	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.034.517.675	9.284.010.564
16	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	1.717.112.300	1.089.618.921
17	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>7.317.405.375</u>	<u>8.194.391.643</u>
18	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	4.573	5.121

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Tâm

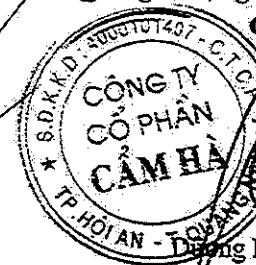
Kê toán trưởng



Trần Trung Huân

Quảng Nam, ngày 04 tháng 03 năm 2013

Giám đốc




Dương Phú Minh Hoàng

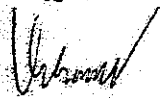
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012

Theo phương pháp trực tiếp

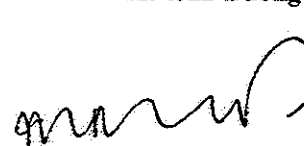
Số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	225.623.012.823	169.791.870.602
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(124.455.186.978)	(179.981.691.206)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(41.253.775.854)	(32.228.555.598)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(5.507.789.895)	(6.287.336.508)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(365.647.750)	(964.840.624)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	9.929.291.733	19.063.834.945
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(14.600.363.006)	(10.505.763.277)
08	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	49.369.541.073	(41.112.481.666)
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
09	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(2.036.371.389)	(977.958.525)
10	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	96.880.000	-
11	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	22.197.912	27.085.578
12	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.917.293.477)	(950.872.947)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
13	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	170.974.669.258	211.008.690.074
14	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(213.585.580.415)	(170.850.759.315)
15	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(2.861.336.000)	(2.880.000.000)
16	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(45.472.247.157)	37.277.930.759
17	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1.980.000.439	(4.785.423.854)
18	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	761.562.605	5.545.796.737
19	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(1.262.199)	1.189.722
20	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3 2.740.300.845	761.562.605

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Tâm

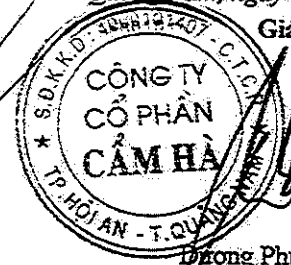
Kế toán trưởng



Trần Trung Huân

Quảng Nam, ngày 04 tháng 03 năm 2013

Giám đốc




 Trương Phú Minh Hoàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cẩm Hà tên giao dịch quốc tế Camha Joint Stock Company, được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp Nhà nước (Xí nghiệp chế biến gỗ Cẩm Hà) theo Quyết định số 2717/QĐ/BNN-TCCB ngày 07/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu số 3303070096 ngày 29/12/2004, được cấp lại theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 4000101407 ngày 29/12/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 02/12/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 448 đường Hùng Vương, khối III, Phường Thanh Hà, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 16.000.000.000 đồng, được chia thành 1.600.000 cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết, bện. Chi tiết: sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản khác, sản xuất các sản phẩm từ gỗ;
- Xây dựng công trình đường bộ (giao thông);
- Sản xuất bê tông thương phẩm và kết cấu bê tông đúc sẵn;
- Khai thác mỏ lộ thiên (khai thác trong vùng dự án được phê duyệt);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình điện; xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng.

CHE ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp tập hợp chi phí, đánh giá sản phẩm dở dang và xác định giá thành sản phẩm hoàn thành:

- Phương pháp tập hợp chi phí: chi phí sản xuất (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung) phát sinh tại các phân xưởng, công đoạn sản xuất được tập hợp chung cho toàn bộ sản phẩm của các phân xưởng sản xuất trong kỳ.

- Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ: Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá 6 tháng một lần theo phương pháp sản lượng hoàn thành tương đương. Sản phẩm hoàn thành tương đương của sản phẩm dở dang cuối kỳ của các công đoạn sản xuất được xác định trên cơ sở kết quả kiểm kê cuối kỳ và tỷ lệ hoàn thành tương đương của sản phẩm dở dang so với sản phẩm hoàn thành được Chủ tịch hội đồng quản trị phê duyệt 6 tháng một lần.

- Giá thành của sản phẩm hoàn thành: trên cơ sở tổng giá thành giá thành chung của các sản phẩm sản xuất hoàn thành. Giá thành đơn vị của từng sản phẩm hoàn thành được xác định trên cơ sở tổng giá thành chung của tất cả các sản phẩm hoàn thành và sản lượng sản phẩm hoàn thành quy đổi theo nguyên liệu chính là gỗ với đơn vị tính là m³ (mét khối gỗ) của từng sản phẩm hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

27. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 07 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 năm

28. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

29. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Những khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có chưa đầy đủ hồ sơ liên quan đến quyền và thực hiện nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã ký kết và còn hiệu lực thực hiện sẽ được công ty ước tính trên cơ sở kết quả kinh doanh và dự kiến nghĩa vụ có thể phát sinh của từng kỳ.

1. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

24. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

25. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

Trong năm tài chính 2012, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2012 theo thông tư số 140 /2012/TT-BTC ngày 21/8/2012 của Bộ Tài chính do Công ty sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến hàng lâm sản.

Trong năm tài chính 2011 và các năm trước, Công ty được miễn thuế TNDN trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2005-2006) và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 05 năm tiếp theo (2007-2011) do Công ty có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa có mức xuất khẩu đạt giá trị trên 50% tổng giá trị hàng hóa sản xuất, kinh doanh và sử dụng nhiều lao động theo quy định tại Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành Nghị định của Chính phủ về Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Ngoài ra, trong năm 2011, Công ty còn được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2011 theo thông tư số 154 /2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính và Công văn số 477/CT-TTHT ngày 14/02/2012 của Cục thuế tỉnh Quảng Nam do Công ty sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến hàng lâm sản.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động

27. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công ty Cổ phần Cẩm Hà
 P. Thanh Hà, TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam

Báo cáo tài chính
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	33.917.865	17.396.953
Tiền gửi ngân hàng	2.706.382.980	744.165.652
	2.740.300.845	761.562.605

Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu bảo hiểm xã hội CBCNV	14.755.059	14.994.690
Phải thu BHXH về các khoản trợ cấp đã chi cho người lao động	55.840.760	-
Tiền thù lao HDQT và BKS đã chi	262.232.217	-
Phải thu khác	184.424	-
	333.012.460	14.994.690

Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	40.004.287.349	40.034.677.645
Công cụ, dụng cụ	1.215.200.658	2.619.145.633
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.990.096.573	37.030.441.797
Thành phẩm	3.279.059.826	8.192.559.706
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(192.450.720)
	71.488.644.406	87.684.374.061

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả 45.000.000.000

Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	277.695.995	136.522.575
	277.695.995	136.522.575

TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	374.870.222	345.192.991
	374.870.222	345.192.991

TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 1 trang số 25.

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	10.997.389.405	12.033.647.881
Số tăng trong kỳ	-	-
Số đã phân bổ vào chi phí trong kỳ	1.036.258.476	1.036.258.476
Số dư cuối kỳ	9.961.130.929	10.997.389.405
Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền thuê đất Cơ sở 2,3 tại KCN Điện Nam - Điện Ngọc	5.249.777.170	5.558.585.828
Tiền thuê đất Cơ sở 5 tại KCN Điện Nam - Điện Ngọc	4.711.353.759	5.438.803.577
	9.961.130.929	10.997.389.405

VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	67.809.409.606	110.421.083.850
Vay ngân hàng	67.809.409.606	110.421.083.850
	67.809.409.606	110.421.083.850

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Số hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Phương thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	108/2012/VCB-KHDN	Thả nổi có điều chỉnh	9 tháng	35.520.227.851	Thế chấp bằng tài sản
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hội An	484/2012/0000859/NHCTHA	Thả nổi có điều chỉnh	8 tháng	32.289.181.755	Không có bảo đảm bằng tài sản
Cộng				67.809.409.606	

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.556.731.222	839.618.922
	2.556.731.222	839.618.922

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	-	216.801.758
Trích trước tiền gia công sấy gỗ	-	503.742.900
Trích trước kinh phí hoạt động cơ sở Đảng	157.755.000	-
Chi phí tiền thuê đất Cơ sở IV - KCN	475.350.000	237.675.000
	633.105.000	958.219.658

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	12.852.779	12.852.779
Kinh phí công đoàn	394.897.401	513.098.616
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	445.017.748	303.147.272
Phải trả các khoản tạm ứng CBCNV	76.648.059	-
Hàng tạo HĐQT, BKS	-	217.718.329
Các khoản phải trả, phải nộp khác	531.759.773	769.822.715
- Công ty Lâm nghiệp Việt Nam (cổ phần trả chậm)	-	284.200.000
- Các khoản phải trả	177.413.059	158.749.059
- Phải trả khác	354.346.714	326.873.656
	1.461.175.760	1.816.639.711

VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 2 trang số 26.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012	Tỷ lệ	01/01/2012	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam	8.160.000.000	51,00	8.160.000.000	51,00
Vốn góp của các cổ đông khác	7.840.000.000	49,00	7.840.000.000	49,00
	16.000.000.000	100,00	16.000.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	16.000.000.000	16.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	16.000.000.000	16.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận (bằng tiền) chia trên lợi nhuận năm trước	2.880.000.000	320.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.600.000	1.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.600.000	1.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.600.000	1.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.600.000	1.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.600.000	1.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu		

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.950.993.847	11.182.937.649
Quỹ dự phòng tài chính	1.844.106.937	1.517.070.605

D) Phân phối lợi nhuận

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	5.533.061.780	3.766.036.546
Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng trong kỳ	7.317.405.375	8.194.391.643
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	231.943.802	(2.348.079.117)
Trích quỹ dự phòng tài chính (*)	(327.036.332)	(396.918.364)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.549.660.224)	(2.954.016.039)
Trả lao HĐQT và BKS (*)	34.941.016	(396.918.465)
Chưa cô tức bằng tiền (*)	(2.880.000.000)	(320.000.000)
Khác	-	(11.434.424)
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối cuối kỳ	7.360.655.417	5.533.061.780

(*) Việc phân phối lợi nhuận trong năm tài chính 2012 được thực hiện trên cơ sở Nghị quyết số 252 CT/ĐHCHĐ-2012 ngày 29/03/2012 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 Công ty Cổ phần Cẩm Hà và kết quả kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

5) TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng mộc xuất khẩu	190.082.523.701	195.544.680.308
Doanh thu bán hàng mộc nội địa	11.537.801.846	6.067.517.459
	201.620.325.547	201.612.197.767

6) CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Hàng bán bị trả lại	-636.836.511	237.746.158
Giảm giá hàng bán	636.836.511	477.169.153
	636.836.511	714.915.311

7) DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng mộc xuất khẩu	189.445.687.190	194.829.764.997
Doanh thu bán hàng mộc nội địa	11.537.801.846	6.067.517.459
	200.983.489.036	200.897.282.456

GIA VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Gia vốn hàng mộc xuất khẩu	153.496.116.374	162.161.525.974
Gia vốn hàng mộc nội địa	9.522.781.415	5.016.273.368
	163.018.897.789	167.177.799.342

DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi	22.197.912	27.085.578
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	377.701.000	7.320.988.340
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	763.087	-
	400.661.999	7.348.073.918

CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	5.290.988.137	6.504.138.266
Chi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	33.791.000	398.312.082
Chi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	7.164.945	266.973.110
	5.331.944.082	7.169.423.458

THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Xuất công nợ nước ngoài tồn tại lâu năm	2.181.409.970	1.716.927.256
Thu nhập từ bán phế liệu, hàng tồn kho kém phẩm chất	1.105.911.531	742.107.373
Thu nhập từ gia công gỗ	58.283.805	-
Thu nhập tài sản	88.072.727	-
Đổi hàng tồn thất theo hợp đồng	12.649.318	179.082.727
	3.446.327.351	2.638.117.356

CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí còn lại của TSCĐ thanh lý	13.058.388	-
Chi thuế TNDN năm 2009 nộp bổ sung	365.647.750	-
Chi phạt vi phạm về thuế	171.474.132	-
	550.180.270	-

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	9.034.517.675	9.284.010.564
- Hoạt động được ưu đãi thuế TNDN	9.034.517.675	7.567.083.308
- Hoạt động không được ưu đãi thuế TNDN	-	1.716.927.256
Các khoản điều chỉnh tăng	544.286.827	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm tài chính	7.164.945	-
- Chi phí không hợp lệ	537.121.882	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(19.802.073)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm tài chính	-	(19.802.073)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	9.578.804.502	9.264.208.491
- Hoạt động được ưu đãi thuế TNDN	9.034.517.675	7.547.281.235
- Hoạt động không được ưu đãi thuế TNDN	544.286.827	1.716.927.256
Mức TNDN theo thuế suất hiện hành (25%)	2.394.701.126	2.316.052.123
- Hoạt động được ưu đãi thuế TNDN	2.258.629.419	1.886.820.309
- Hoạt động không được ưu đãi thuế TNDN	136.071.707	429.231.814
Mức TNDN được giảm	677.588.826	1.226.433.202
- Theo thông tư số 128/2003/TT-BTC (50%)	-	943.410.155
- Theo thông tư số 154/2011/TT-BTC (30%)	-	283.023.047
- Theo thông tư số 140/2012/TT-BTC (30%)	677.588.826	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.717.112.300	1.089.618.921
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào	365.647.750	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
Mức TNDN phải nộp đầu kỳ	839.618.922	714.840.625
Mức TNDN đã nộp trong kỳ	(365.647.750)	(964.840.624)
Mức TNDN phải nộp cuối kỳ	2.556.731.222	839.618.922

LIÊN CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán và cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	7.317.405.375	8.194.591.643
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.317.405.375	8.194.591.643
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.600.000	1.600.000
Liên cơ bản trên cổ phiếu	4.573	5.121

Công ty Cổ phần Cẩm Hà
 P. Thanh Hà, TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam

Báo cáo tài chính
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	98.255.693.207	111.572.860.702
Chi phí nhân công	45.254.788.308	40.247.780.987
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.630.140.114	8.044.547.481
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.600.348.773	28.921.121.464
Chi phí khác bằng tiền	6.696.239.438	6.696.239.438
	165.437.209.840	195.482.550.072

CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.740.300.845	-	761.562.605	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.479.638.819	-	53.324.120.782	-
Cộng	31.219.939.664	-	54.085.683.387	-

	Giá trị sổ kế toán	
	12/31/2012	1/1/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	67.809.409.606	110.421.083.850
Phải trả người bán, phải trả khác	12.404.496.928	11.384.284.990
Chi phí phải trả	633.105.000	958.219.658
Cộng	80.847.011.534	122.763.588.498

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động đồng sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.740.300.845	-	-	2.740.300.845
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.479.638.819	-	-	28.479.638.819
Cộng	31.219.939.664	-	-	31.219.939.664
Tại ngày 01/01/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	761.562.605	-	-	761.562.605
Phải thu khách hàng, phải thu khác	53.324.120.782	-	-	53.324.120.782
Cộng	54.085.683.387	-	-	54.085.683.387

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở không	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2012				
Vay và nợ	67.809.409.606	-	-	67.809.409.606
Phải trả người bán, phải trả khác	12.404.496.928	-	-	12.404.496.928
Chi phí phải trả	633.105.000	-	-	633.105.000
Cộng	80.847.011.534	-	-	80.847.011.534
Tại ngày 01/01/2012				
Vay và nợ	110.421.083.850	-	-	110.421.083.850
Phải trả người bán, phải trả khác	11.384.284.990	-	-	11.384.284.990
Chi phí phải trả	958.219.658	-	-	958.219.658
Cộng	122.763.588.498	-	-	122.763.588.498

NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, gia công, chế biến hàng lâm sản và thị trường tiêu thụ chủ yếu được thực hiện thông qua các khách hàng (chiếm hơn 94%). Chính vì vậy, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

NGHIỆP VỤ VÀ SỎ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2012 VND
- Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Công ty mẹ	Trả cổ tức Nhập tài sản Cổ phần ưu đãi người nghèo trả chậm	1.468.800.000 87.529.709 284.200.000
- Công ty cổ phần Vinafor Đà Nẵng	Công ty con của TCI	Mua nguyên vật liệu chính Hợp đồng tham quan du lịch Bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ Cán trừ công nợ phải thu, phải trả	24.429.914.626 343.600.000 652.174.600 556.930.000
- Công ty cổ phần Vinafor Qui Nhơn	Công ty con của TCI	Thanh lý tài sản	66.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam	Công ty mẹ	Phải trả	-	284.200.000
- Công ty cổ phần Vinafor Đà Nẵng	Công ty con của TCT	Phải thu Phải trả	518.012.000 900.000.000	-

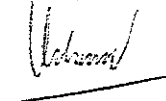
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2012
	VND
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT đã chi	875.222.000

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

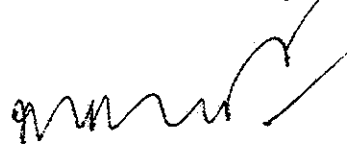
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán (AAC) kiểm toán và đã được điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước về Báo cáo Tài chính năm 2011.

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Tâm

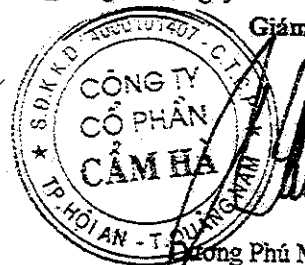
Kế toán trưởng



Trần Trung Huân

Quảng Nam, ngày 04 tháng 03 năm 2013

Giám đốc



Đương Phú Minh Hoàng

Phụ lục 1 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	47.909.653.152	35.026.112.584	6.635.849.833	1.299.843.247	90.871.458.816
Số tăng trong kỳ	477.544.409	1.515.179.831	-	12.818.182	2.005.542.422
- Mua trong kỳ	477.544.409	1.515.179.831	-	12.818.182	2.005.542.422
Số giảm trong kỳ	-	(160.797.656)	-	-	(160.797.656)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(160.797.656)	-	-	(160.797.656)
Số dư cuối kỳ	48.387.197.561	36.380.494.759	6.635.849.833	1.312.661.429	92.716.203.582
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	37.503.869.166	32.840.599.253	6.199.588.970	1.062.334.398	77.606.391.787
Số tăng trong kỳ	5.250.049.079	1.079.633.558	230.523.838	69.933.639	6.630.140.114
- Khấu hao trong kỳ	5.250.049.079	1.079.633.558	230.523.838	69.933.639	6.630.140.114
Số giảm trong kỳ	-	(147.739.268)	-	-	(147.739.268)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(147.739.268)	-	-	(147.739.268)
Số cuối kỳ	42.753.918.245	33.772.493.543	6.430.112.808	1.132.268.037	84.088.792.633
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	10.405.783.986	2.185.513.331	436.260.863	237.508.849	13.265.067.029
Tại ngày cuối kỳ	5.633.279.316	2.608.001.216	205.737.025	180.393.392	8.627.410.949

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

2.816.544.412

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng:

51.912.222.725

Phụ lục 2 : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	16.000.000.000	(284.637.045)	8.834.858.532	1.299.152.241	3.766.036.546	29.615.410.274
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	8.194.391.643	8.194.391.643
Hoàn nhập CLTG đánh giá lại cuối năm tài chính	-	284.637.045	-	-	-	284.637.045
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.348.079.117	396.918.364	(6.427.366.409)	(3.682.368.928)
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	(179.000.000)	-	(179.000.000)
Số dư cuối năm trước	16.000.000.000	-	11.182.937.649	1.517.070.605	5.533.061.780	34.233.070.034
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	7.317.405.375	7.317.405.375
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(5.020.927.058)	(5.020.927.058)
Giảm khác (**)	-	-	(231.943.802)	327.036.332	(468.884.680)	(373.792.150)
Số dư cuối năm nay	16.000.000.000	-	10.950.993.847	1.844.106.937	7.360.655.417	36.155.756.201

(*): Năm 2011, Công ty sử dụng quỹ dự phòng tài chính để chi trợ cấp khó khăn cho người lao động theo Thông tư số 92/2011/TT-BTC ngày 23/06/2011 của Bộ Tài chính.

(**): Điều chỉnh lại phân phối lợi nhuận sau khi có kết quả kiểm tra của Kiểm toán Nhà nước.